

THIẾT KẾ THỬ NGHIỆM BÀI HỌC NGỮ VĂN

SÓNG - XUÂN QUỲNH
(Ngữ văn 12, Tập 1, Nxb Giáo dục, 2008)

ThS PHẠM HƯƠNG QUỲNH

A. Yêu cầu cần đạt

- Giúp học sinh cảm nhận được vẻ đẹp tâm hồn và khát khao hạnh phúc của người phụ nữ trong tình yêu thông qua sự giao thoa giữa hai hình tượng *sóng* và *em*. Nắm được những nét đặc sắc về nghệ thuật của bài thơ, cách tổ chức kết cấu, xây dựng hình ảnh song trùng, nhịp điệu và ngôn ngữ thơ giàu giá trị biểu cảm.

- Rèn kĩ năng phân tích thơ trữ tình, đặc biệt là kĩ năng nắm bắt mạch cảm xúc của nhân vật trữ tình. Tích hợp với bài *Máy ý nghĩ về thơ* để học sinh nắm vững những đặc trưng riêng biệt của thể loại thơ trữ tình.

- Giúp học sinh nhận thức đúng đắn về một tình yêu chân thành, về khát vọng hạnh phúc chân chính.

B. Tiến trình bài giảng

Lời vào bài: Trong bài thơ *Tự hát*, nhà thơ Xuân Quỳnh có viết:

Em trở về đúng nghĩa trái tim em

Là máu thịt đời thường ai chẳng có

Vẫn ngừng đập khi cuộc đời không còn nữa

Nhưng biết yêu anh cả khi chết đi rồi.

Tình yêu trong thơ Xuân Quỳnh luôn nồng nàn, tha thiết và rất đỗi mãnh liệt. Chị như đốt cháy mình để yêu và khao khát một tình yêu thủy chung

vĩnh viễn. Bài thơ *Sóng* tiêu biểu cho phong cách thơ Xuân Quỳnh. Người đàn bà yêu trong bài thơ này giống như sóng biển, da diết dịu dàng mà trào sôi mãnh liệt. Bài thơ *Sóng* được sáng tác ngày 29/12/1967, tại cửa biển Diêm Điền, in trong tập *Hoa dọc chiến hào* năm 1968.

I. Tìm hiểu phần Tiểu dẫn

- Giáo viên hướng dẫn học sinh đọc phần tiểu dẫn để nắm những nét chính về nhà thơ Xuân Quỳnh và đặc điểm thơ của riêng chị.

+ Xuân Quỳnh tên khai sinh là Nguyễn Thị Xuân Quỳnh, sinh ngày 6 - 10 - 1942, tại làng La Khê, Hà Đông, một làng quê nổi tiếng với nghề dệt the lụa. Xuân Quỳnh mồ côi mẹ từ nhỏ, sống với bà nội.

+ Năm 1955, Xuân Quỳnh là diễn viên đoàn văn công trung ương rồi Xuân Quỳnh bắt đầu làm thơ và trở thành nhà thơ tiêu biểu thời kì kháng chiến chống Mỹ. Năm 1973, Xuân Quỳnh kết hôn với nhà viết kịch Lưu Quang Vũ. Xuân Quỳnh mất năm 1988 trong một tai nạn giao thông tại Hải Dương.

- Thơ Xuân Quỳnh là tiếng lòng của một tâm hồn phụ nữ nhiều trắc ẩn, vừa hồn nhiên tươi tắn, vừa chân thành đằm thắm và luôn da diết trong khát vọng hạnh phúc. Xuân Quỳnh được truy tặng Giải thưởng nhà nước về Văn học nghệ thuật năm 2001.

II. Tìm hiểu văn bản

1. Tìm hiểu chung

1.1. Cảm hứng sáng tác và âm điệu của bài thơ

- Sau khi học sinh đọc, giáo viên yêu cầu học sinh căn cứ vào văn bản để tìm hiểu cảm hứng và âm điệu của bài thơ.

Bài thơ mang cảm hứng trữ tình tình yêu. Một đề tài có ý nghĩa nhân văn với toàn nhân loại. Bài thơ có âm hưởng dào dạt, khi nhịp nhàng, khi sôi nổi trào dâng, khi lắng sâu, khi miên man trầm trở. Yếu tố tạo nên âm điệu ấy là thể thơ năm chữ, cách ngắt nhịp linh hoạt, các cặp đối xứng trong câu thơ, giữa các khổ thơ. Đó là âm điệu của sóng, cụ thể hơn là sự hoà điệu của sóng biển và sóng lòng.

1.2. Nhân vật trữ tình

- Bài thơ có hai hình tượng xuyên suốt, giáo viên hướng dẫn học sinh nhận thức được hình tượng nhân vật trữ tình.

Bài thơ có 2 hình tượng là *sóng* và *em*. *Em* - cái tôi trữ tình của nhà thơ, *Sóng* - hình ảnh ẩn dụ của người con gái đang yêu, là sự hóa thân của em - một kiểu đặc biệt của cái tôi trữ tình nhập vai. *Sóng* soi chiếu vào nhân vật *em* để làm sáng lên tâm hồn *em* với những sắc thái tâm trạng phong phú, đa dạng; có khi *sóng* hoà điệu vào tâm hồn *em* để giải bày, bộc bạch. Thực chất hai hình tượng tuy hai mà một, đều thể hiện một cái tôi Xuân Quỳnh tha thiết yêu thương.

2. Phân tích văn bản

Định hướng phân tích: Tác phẩm thơ trữ tình vốn có rất nhiều cách tiếp cận phân tích. Có thể bỏ dọc để đi theo từng hình tượng hoặc có thể bỏ ngang đi theo bố cục, kết cấu của bài thơ. Đối với bài thơ *Sóng* nếu bỏ dọc sẽ đi theo hướng phân tích độc lập hai

hình tượng *sóng/em*. Tuy nhiên cách làm này sẽ rất khó để học sinh thấy được sự hòa điệu của sóng biển với tình em, sự trùng phức cộng hưởng của *sóng* và *em*. Chọn cách bỏ ngang theo các khổ thơ giúp học sinh nhìn ra sự vận động của mạch thơ, âm hưởng thơ cũng như những cung bậc cảm xúc trong nhân vật trữ tình, đó là: tính cách của con sóng, những suy tư trầm trở về cội nguồn của tình yêu, cảm xúc tâm trạng của người phụ nữ trong tình yêu, khát vọng tình yêu. Bài giảng này thiết kế theo hướng thứ 2.

2.1. Tính cách của con sóng tình (Khổ 1, 2)

Giáo viên định hướng: Ngay từ những khổ thơ đầu, Xuân Quỳnh đã miêu tả *Sóng* ở nhiều trạng thái khác nhau. Em hãy đọc kĩ khổ 1, khổ 2 và cho biết sự đối cực của sóng được biểu hiện như thế nào? Tâm trạng của người phụ nữ trong tình yêu được thể hiện ra sao?

* Khổ 1: Mở đầu bài thơ, sóng được thể hiện trong những trạng thái trái ngược (*dữ dội/ dịu êm; ồn ào/ lặng lẽ*). Hai câu thơ với bốn tính từ liên tiếp diễn tả thật sống động các sắc thái đối cực của sóng. Khi biển bình yên sóng *dịu êm, lặng lẽ*, khi biển động sóng *dữ dội, ồn ào*. Đó là đặc điểm muôn đời của sóng. Sóng hồn nhiên, quyết liệt không chịu bó mình trong sông chật hẹp, sóng tìm ra biển lớn để thoả sức vẫy vùng: *Sóng không hiểu nổi mình/ Sóng tìm ra tận bể*.

Mượn sóng để nói chuyện lòng mình, Xuân Quỳnh đã diễn tả thật cụ thể những trạng thái vô cùng phong phú, phức tạp của trái tim người phụ nữ đang yêu. Tình yêu là quà tặng vô giá mà thượng đế ban cho con người. Với người con gái, yêu là nhớ nhung, mong ngóng, giận dỗi, hờn ghen,... những đối cực ấy vốn rất phổ biến.

- Giáo viên liên hệ: Một nhà thơ Đức đã viết:

*Em bảo anh đi đi
Sao anh không đứng lại
Em bảo anh đừng đợi
Sao anh vội về ngay*

Bảo đi nhưng lại mong người ấy đứng lại, giục đừng đợi rồi lại trách sao nữ vội về. Cái đối nghịch này làm nên nét đáng yêu, nữ tính của người con gái. Nó không mâu thuẫn mà thống nhất trong quy luật biện chứng của trái tim.

Xuân Quỳnh đã đưa ra một quan niệm thật mới mẻ về tình yêu. Người phụ nữ khao khát một tình yêu đích thực không nhần nhục, chịu đựng mà chủ động, quyết liệt đi tìm đến với chân trời yêu bao la như *sóng* dứt khoát *tìm ra tận bể* bởi *sông không hiểu nổi mình*.

* Khổ 2:

- Giáo viên định hướng: Bên cạnh những nét tính cách đối cực rất nữ tính của con sóng tình, Xuân Quỳnh còn bày tỏ một định nghĩa rất riêng về tình yêu. Em hãy phân tích khổ 2 để cắt nghĩa cách định nghĩa rất Xuân Quỳnh ấy.

Đến khổ thơ thứ hai, Xuân Quỳnh khẳng định chân lí muôn đời của tình yêu. Con sóng từ ngàn đời xưa cho đến mai sau vẫn còn cào trong lòng biển cả, cũng như khát vọng tình yêu là vĩnh hằng, muôn thừa, nhất là trong trái tim tuổi trẻ (*Nỗi khát vọng tình yêu/ Bồi hồi trong ngực trẻ*). Bài ca đẹp nhất của cuộc đời chính là tình yêu. Xuân Diệu đã từng nói:

*Làm sao sống được mà không yêu
Không nhớ không thương một
kẻ nào*

Tình yêu mang lại sức mạnh, soi sáng tâm hồn con người, nâng đỡ và cứu rỗi con người. Thế giới sẽ trở nên khô cằn nếu thiếu những yêu thương. Con người sẽ yêu và sẽ mãi mãi mong muốn được sống trong tình yêu, khát

vọng ấy bồi hồi, mãnh liệt. Đó cũng là một khao khát mang tính nhân bản của loài người.

- Giáo viên bình: Với Xuân Quỳnh, biển bao giờ cũng gọi dậy ước mơ, khao khát. *Suốt cuộc đời biển gọi ước mơ/ Nỗi khao khát những chân trời chưa đến*. Hai khổ thơ đầu giàu chất suy tư. Từ con sóng biển, Xuân Quỳnh không chỉ khám phá và biểu đạt những quy luật tình cảm của con người mà còn khẳng định được khát vọng tình yêu muôn đời của nhân loại.

2.2. Suy tư, trăn trở về cội nguồn của tình yêu (Khổ 3,4)

- Giáo viên gợi dẫn cho học sinh nêu nhận xét về giọng điệu thơ và phân tích những cắt nghĩa, lí giải rất nữ tính của Xuân Quỳnh về tình yêu. Từ đó em hiểu được gì về quy luật tâm trạng của người phụ nữ đang yêu?

+ Hình tượng *sóng* đến đây hoà nhập vào *em* để soi chiếu làm nổi bật những băn khoăn của lòng *em*. Giọng thơ như lời thầm thì tự bạch, ý thơ được nối kết tự nhiên và những băn khoăn của lòng *em* làm nên chất suy tư ngọt ngào của riêng Xuân Quỳnh.

+ Cũng như tâm lí quen thuộc của bao người con gái, khi yêu trái tim phụ nữ vốn có nhiều lo âu, trăn trở. Ở hai khổ thơ này, nhân vật *em* đang thử cắt nghĩa lí giải nơi bắt đầu của tình yêu, đi tìm cội nguồn của tình yêu. Trước *sóng* bể muôn trùng, nhân vật trữ tình nghĩ về *em*, về *anh* và tự hỏi.

Xuân Diệu đã từng thắc mắc *Làm sao cắt nghĩa được tình yêu*, nay băn khoăn ấy lại được Xuân Quỳnh bộc bạch thật hồn nhiên, chân thành. *Sóng* bắt đầu từ nơi có cơn gió lên, gió thì bắt đầu từ nơi đâu, thật khó có câu trả lời. Cũng giống như tình yêu vậy, chúng ta không thể giải thích được nơi khởi đầu của nó. Không tìm được câu trả lời, Xuân Quỳnh đã đưa ra cách cắt

nghĩa rất riêng của mình. Tình yêu cũng tự nhiên tựa hồ như gió mây, hồn nhiên như hoa lá và khó hiểu, bất ngờ như biển cả, bí ẩn như vũ trụ vậy. Tình yêu vừa cụ thể vừa mơ hồ, vừa gần gũi vừa xa xôi *Em cũng không biết nữa/ Khi nào ta yêu nhau?*

- Giáo viên bình giá: Nữ thi sĩ Xuân Quỳnh đã chỉ ra một quy luật rất thật của tình yêu. *Em* luôn muốn tìm hiểu đến tận cùng của tình yêu nhưng chính ngay khi không thể tìm ra câu trả lời là lúc *em* đang được sống thật nhất với tình yêu của mình. Chân lí ấy thật giản dị, đẹp đẽ. Xuân Quỳnh phát hiện ra quy luật của trái tim bằng trực cảm nhạy bén, bằng sự đắm thắm và những trải nghiệm qua nhiều đổ vỡ của bản thân mình. Hai khổ thơ bộc bạch thật chân thành như một lời tự thú hồn nhiên mà sâu sắc, nữ tính.

2.3. Cảm xúc tâm trạng của người phụ nữ trong tình yêu (khổ 5, 6, 7)

* Khổ 5

- Giáo viên định hướng nêu vấn đề: Dẫu không thể lí giải được *khi nào ta yêu nhau* nhưng Xuân Quỳnh đã phát hiện ra những biểu hiện cao nhất của tình yêu, đó là tâm trạng gì? Và Xuân Quỳnh đã bộc lộ như thế nào?

+ Ở khổ thơ thứ 5, *sóng* và *em* phân đôi, soi chiếu vào nhau để làm sáng lên những tâm sự sâu kín trong *em*. Đó là một nỗi nhớ mênh mông sâu thẳm. Con sóng trên bề mặt hay con sóng dưới lòng sâu muôn đời vỗ nhịp trong lòng biển cả, cồn cào một hướng vào bờ dẫu có muôn nghìn cách trở. Vì thế mà biển có khi bình yên nhưng biển không lặng yên, sóng vẫn luôn trăn trở nỗi nhớ bờ. Ý thơ được kết nối và phát triển thật tự nhiên, những câu thơ không ngắt nhịp đặt cạnh nhau liên tiếp như nhịp sóng miên man nhưng nhớ. Khổ thơ kéo dài tới sáu câu như phá vỡ trạng thái tâm hồn bình yên

tao độ nhân cho dòng cảm xúc mãnh liệt tuôn chảy.

+ Từ sóng, Xuân Quỳnh đã nói lên quy luật tất yếu của tình yêu. Tình yêu bao giờ cũng gắn liền với nỗi nhớ. Nếu như sóng nhớ bờ ở tầng sâu, bề rộng của đại dương, chế ngự cả không gian, thời gian thì em nhớ anh trong từng hơi thở, ý nghĩ. *Lòng em nhớ đến anh/ Cả trong mơ còn thức.*

Một nỗi nhớ mãnh liệt, thường trực cả khi thức, khi ngủ, lắng vào tiềm thức, cuộn cuộn vô hồi vô hạn. Xưa nay, tình yêu vẫn là nỗi nhớ mong đến cháy lòng.

- Giáo viên liên hệ mở rộng: Ca dao Việt Nam đã nói về nỗi nhớ bồi hồi, khắc khoải.

Nhớ ai bồi hồi bồi hồi

Như đứng đống lửa như ngồi đống rơm.

Với nhà thơ Xuân Diệu, tình yêu thiêu đốt người ta trong một nỗi nhớ cồn cào, da diết:

Anh nhớ tiếng, anh nhớ hình, anh nhớ ảnh

Anh nhớ em, anh nhớ lắm em ơi

Ở bài thơ *Sóng*, nỗi nhớ của nữ chủ thể trữ tình nồng nàn, cháy bỏng mà hồn hậu. Sóng nhớ bờ đến *ngày đêm không ngủ được*. Vẫn chưa thỏa lòng, em phải tự thú với chính mình về một nỗi nhớ đến *Cả trong mơ còn thức*. Nỗi nhớ cụ thể trong tâm tưởng, hiển hiện trong cả giấc ngủ, nhớ đến kiệt cùng tâm linh. Xuân Quỳnh luôn tha thiết với một tình yêu vượt lên biên giới chia lìa của sự sống và cái chết.

+ Hình ảnh thơ hé lộ một suy cảm, một khát khao hạnh phúc rất chân thành: sóng khao khát có bờ cũng như em khao khát có anh. Tình yêu của người con gái đắm thắm, giản dị và trong sáng, thủy chung. Xuân Quỳnh đã tảo

bạo nói lên khát vọng tình yêu sôi nổi, mãnh liệt của mình - một tiếng nói nhân bản hiếm thấy trong văn học Việt Nam trước đó.

* Khổ 6 và 7

Giáo viên nêu vấn đề: Vẫn tiếp tục mạch nguồn của nỗi nhớ, đến khổ thơ 6, 7 *sóng* được khám phá thêm ở góc độ nào? Giáo viên hướng dẫn học sinh phát hiện thêm những điều mới mẻ về tâm hồn của *em* trong bài thơ.

Nếu ở khổ thơ thứ 5, *sóng* được khám phá theo chiều thời gian thì đến khổ thơ 6, 7 *sóng* được khám phá theo chiều rộng của không gian ở hai miền xuôi - ngược. Ở góc độ nào *sóng* cũng luôn trào dâng một nỗi nhớ bờ. Con sóng dù xuôi về phương Bắc hay ngược về phương Nam thì cuối cùng vẫn tìm về với bờ: *Con nào chẳng tới bờ/ Dù muôn vời cách trở*.

Thông thường người ta hay nói xuôi nam, ngược bắc. Ở đây Xuân Quỳnh nói xuôi bắc - ngược nam, dường như cái lô gích của lí trí thông thường đã bị xoá mờ chỉ còn lại hai miền xuôi ngược để trần trở tìm nhau, để khao khát được bên nhau. Giọng thơ tha thiết, lắng sâu đưa ta đến với chân trời của sóng và tận cùng của trái tim em.

- Giáo viên hướng dẫn học sinh bình giá hình ảnh bằng câu hỏi gợi mở: Hình ảnh con sóng giữa hai miền xuôi - ngược đầy sức ám ảnh và gợi mở. Em hãy chia sẻ những rung động sâu sắc nhất của mình trước hình ảnh ấy.

+ Nếu con sóng kia muôn đời thao thức, khắc khoải giữa hai miền xuôi ngược tìm bờ thì em chỉ duy nhất với một phương: Anh. Đó là một hình ảnh thơ đầy xúc động, bốn phương đông - tây - nam - bắc là của vũ trụ này, chỉ có duy nhất nơi có anh là phương trời của em. Xuôi - ngược là sự lựa chọn tối đa để quy hợp lại trong một đơn vị ngôn ngữ chất lọc, để day

dứt về một miền suy nghĩ. Giữa cuộc đời bao la dâu bể, anh là bến bờ hạnh phúc duy nhất em tìm về. Ý thơ được bộc bạch rất thật, sáng lên vẻ đẹp của tình yêu chung thủy. Hoá ra, ở trung tâm nỗi nhớ là anh, cho nên đâu có đi về phương nào thì em vẫn luôn hướng về nơi anh. Thế nên, nếu ở trên là *nhớ* thì đến đây đã tăng cấp lên thành *nghĩ*: *Nơi nào em cũng nghĩ/ Hướng về anh một phương*. Em trong thơ cháy hết lòng mình cho tình yêu và khẳng định sự duy nhất tuyệt đối, sự gắn bó thủy chung với tình yêu.

+ *Sóng* và *em* hoà nhịp, cộng hưởng để tình em hiện lên cụ thể, sống động. Xuân Quỳnh đã bày tỏ tình yêu rất mạnh bạo song cũng rất nữ tính, chân thành. Quan niệm truyền thống về một tình yêu thủy chung duy nhất được thể hiện thật mới mẻ. Và phải chăng, khẳng định tình yêu chung thủy nữ thi sĩ hàm ý yêu cầu người yêu thương phải xứng đáng với mình?

2.5. Những triết lí sâu sắc và khát vọng tình yêu (Khổ 8 và 9)

- Giáo viên nêu vấn đề: Ở hai khổ thơ cuối, Xuân Quỳnh đã bộc bạch quan niệm rất riêng về tình yêu và cuộc đời, em hãy đọc thật kĩ và chỉ ra điều đó.

Trải qua nhiều đổ vỡ và trải nghiệm của bản thân, Xuân Quỳnh rất nhạy cảm và thấm thía với sự chảy trôi của thời gian và sự hữu hạn của đời người. Tình yêu của nhân loại thì vĩnh viễn như biển nhưng kiếp người lại ngắn ngủi, phù du như mây. Xuân Quỳnh vừa thổ lộ trực tiếp vừa thông qua hình tượng *sóng* để bộc lộ những suy tư về thời gian vũ trụ và khát vọng về một tình yêu chung thủy, vững bền vĩnh cửu *Giữa biển lớn tình yêu/ Để ngàn năm còn vỗ*.

- Giáo viên định hướng để học sinh chỉ ra và khái quát được sự vận động của mạch thơ.

Mạch thơ vận động nhất quán bởi mở đầu bài thơ là con sóng không chịu bó mình trong khuôn khổ chật hẹp, vươn mình đến với chân trời yêu rộng lớn và đến cuối bài thơ là khát vọng được bất tử hoá tình yêu đến muôn thuở. Mong muốn hoà nhập vào tình yêu rộng lớn của cuộc đời để tình yêu đôi lứa mãi mãi vĩnh hằng là khát khao rất đời nhân văn của một Xuân Quỳnh hồn hậu, đằm thắm. Trong suốt đời thơ của mình không ít lần thi sĩ khẳng định lại sự bất tử của tình yêu. Ở một bài thơ khác, nhà thơ viết:

Tiếng yêu từ những ngày xưa

*Vượt qua năm tháng bấy giờ
đến ta*

Tiếng yêu từ những ngày xa

Trái bao cay đắng vẫn là vẹn nguyên

III. Tổng kết

- Giáo viên hướng dẫn cho học sinh tự tổng kết những giá trị nội dung, nghệ thuật của bài thơ. Phần tổng kết cần có những ý chính sau:

+ Bài thơ *Sóng* đã thể hiện một cái tôi yêu nồng nàn tha thiết, yêu hết lòng, thủy chung trọn vẹn vượt lên sự thử thách của thời gian và sự hữu hạn của đời người.

+ Thông qua hình tượng *sóng*, nhà thơ đã khám phá rất nhiều những quy luật tình cảm cũng như những phẩm chất tốt đẹp của người phụ nữ trong tình yêu.

+ Bài thơ có những sáng tạo độc đáo về nghệ thuật, từ việc xây dựng hình ảnh trùng phức song đôi, *sóng* và *em* đến việc sử dụng thể thơ năm chữ, tạo nhịp điệu thơ như nhịp ngân vang của sóng biển và xây dựng cấu tứ. Hình ảnh thơ rất giàu ý nghĩa biểu tượng.

IV. Cũng cố, luyện tập

1. Học thuộc bài thơ và phân ghi nhớ.

2. Bài tập: Phân tích nghệ thuật tạo âm điệu qua thể thơ, cấu tạo khổ thơ, giọng điệu và nhịp điệu thơ.

KÍNH BÁO

Ngày 30 tháng 06 năm 2012, Chủ tịch Viện Khoa học xã hội Việt Nam đã kí Quyết định số 1013/QĐ-KHXH bổ nhiệm TS Vũ Thị Sao Chi giữ chức vụ Phó Tổng biên tập Tạp chí Ngôn ngữ (thuộc Viện Khoa học xã hội Việt Nam) nhiệm kì 2012 - 2017.

Tòa soạn Tạp chí Ngôn ngữ xin trân trọng kính báo cùng Quý bạn đọc!

TẠP CHÍ NGÔN NGỮ